

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 28/02/2020

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông **Đặng Hoài Dinh**
- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1/ Ông **Nguyễn Văn Luân**
2/ Ông **Hồ Huy Cường**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1978. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: tổ 03, ấp P, xã Ph, huyện G, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1962. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: tổ 03, ấp P, xã Ph, huyện G, tỉnh T.

Tạm trú: ấp P, xã Ph, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

Chị và anh G chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Chị và anh G không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trước khi chung sống với anh G chị đã có chồng và có 02 con riêng. Đến năm 2007 chị sinh con chung với anh G thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần từ quan hệ con riêng, con chung của anh chị. Ngoài ra, anh G còn ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh và hăm dọa giết chị T. Tháng 4-2019 vợ chồng chị ly thân đến nay, không có gặp nhau bàn chuyện đoàn tụ. Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 30-4-2007 hiện nay đang sống chung với anh G.

Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh G. Về con chung chị đồng ý để anh G tiếp tục trong nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 30-4-2007, chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Nguyễn Văn G trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về hôn nhân, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung chị T trình bày đúng sự thật. Riêng về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, anh G cho rằng do vợ chồng chung sống không hợp nhau, nên không thể tiếp tục cùng nhau chung sống.

Nay trước yêu cầu ly hôn của chị T, anh G đồng ý ly hôn. Về con chung anh yêu cầu được tiếp tục trong nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 30-4-2007, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T với anh G. Về con chung: Giao cho anh G được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 30-4-2007. Do anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Cả nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T và bị đơn anh Nguyễn Văn G đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng tất cả các đương sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn, mặc dù anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị T có yêu cầu ly hôn, anh G đồng ý ly hôn vì anh cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, anh chị ly thân nhau đã lâu không ai có thiện chí đoàn tụ. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh G.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 30-4-2007 hiện đang sống cùng anh G. Trong suốt thời gian ly thân anh G vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt, cháu L cũng có nguyện vọng được sống chung với cha. Nên cần giao cháu L cho anh G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Do anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra giải quyết.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh G không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T với anh G. Về con chung: Giao cho anh G được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 30-4-2007. Do anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[6] Theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Thẩm phải chịu án phí không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Văn G.

2/ Về con chung: Giao anh G có quyền và nghĩa vụ tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung **tên** Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 30-4-2007.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
Về cấp dưỡng cho con: Anh G không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh G không yêu cầu giải quyết.

4/ Án phí: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000036 ngày 06-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5/ Chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Văn G được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND H. Gò Dầu;
- CCTHADS H. Gò Dầu;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hoài Dinh